TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 91 /2018/DS-ST
Ngày: 21-6-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Kim Thảo
Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLST-KDTM ngày 26 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-KDTM ngày 7 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm: 1962**

Nơi cư trú: Số 21, Đường Nguyễn Đình C, Khóm 3, P.A, Huyện H, tỉnh Đ

Bị đơn**: Công ty TNHHSXTM DV A**
Trụ sở: Số 478, Quốc Lộ 91, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh A

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Huệ T** – Tổng giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 04/8/2016) (vắng mặt)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:
Ông **Nguyễn Thái S**, sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25/33, đường Trần Hưng Đạo, khóm T, Phường M, Thành phố L, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/1/2017 trong quá trình xét xử và lời khai trước phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hồ Thị Kim T trình bày

Vào năm 2016 bà Hồ Thị Kim T và Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A (gọi tắt là Công ty A) có các ký kết hợp đồng kinh tế cụ thể như sau:

+Hợp đồng mua bán cá tra số 26/HĐNL/TA ngày 26 tháng 08 năm 2016

+Hợp đồng mua bán cá tra số 29/HĐNL/TA ngày 14 tháng 09 năm 2016

+Hợp đồng mua bán cá tra số 22/KT-HĐKT/2016 ngày 17 /11/ 2016

+Hợp đồng mua bán cá tra số 32/NVM-HĐKT/2016 ngày 21/11/2016

Căn cứ vào các hợp đồng đã ký kết, hai bên đã tiến hành giao hàng cụ thể như sau:

1.Ngày 07/9/2016 bà T bán cho Công ty A một ao cá tra với số lượng 406.101kg với giá bán 19.000đồng/kg thành tiền là 7.715.919.000 đồng (bằng chữ: Bảy tỷ bảy trăm mười lăm triệu chín trăm mười chín ngàn đồng)

2.Ngày 26/9/2016 bà T bán cho Công ty A một ao cá tra với số lượng 446.421kg với giá bán 19.600đồng/kg thành tiền là 8.749.851.600 đồng (bằng chữ: Tám tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu tám trăm năm mươi mốt ngàn sáu trăm đồng)

3.Ngày 18/11/2016 đến ngày 03/12/2016 bà T bán 5 đợt cá tra fillet của Công ty A thành tiền là 7.571.117.950 đồng (bằng chữ: Bảy tỷ năm trăm bảy mươi mốt triệu một trăm mười bảy ngàn chín trăm năm mươi đồng)

Về phương thức thanh toán: Tại Điều 2 của hợp đồng nêu rõ: Công ty A thanh toán cho bà Hồ Thị Kim T sẽ thanh toán tiền sau 30 ngày kể từ ngày bắt hết cá nhưng thời gian thanh toán trễ sẽ không quá 60 ngày. Bên Công ty A thanh toán trễ sau 90 ngày sẽ chịu phạt lãi suất 1% trên tháng trên phần tiền chưa thanh toán.

Đến ngày 05/12/2016 giữa bà T và Công ty A đã tiến hành làm biên bản bù trừ công nợ. Sau khi cấn trừ công nợ thì Công ty A còn phải trả cho bà số tiền 8.894.652.650 đồng. Bà đã nhiều lần Công ty A thanh toán nhưng Công ty A vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tại phiên tòa bà Hồ Thị Kim T yêu cầu Công ty A số tiền gốc 8.894.652.650 đồng (Tám tỷ tám trăm chín mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 06/12/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải vẫn vắng mặt không

có lý do. Tòa án tiến hành xác minh đối với Công ty A. Tại biên bản xác minh ngày 21/12/2017 được ông Hoàng Hữu T – Phó Giám đốc Công ty A cho biết công ty có 2 thành viên là bà Nguyễn Thị Huệ T và ông Nguyễn Thái S , bà Nguyễn Thị Huệ T là người đại diện theo pháp luật của công ty. Vào tháng 11 năm 2016 bà T và ông S đi công tác ở nước ngoài rồi không về công ty. Hiện công ty A vẫn còn hoạt động để duy trì máy móc và đảm bảo việc làm cho người lao động, tài sản đã bị kê biên nên lợi nhuận thu được do ngân hàng thu giữ. Tòa án tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu của ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T thì được biết ông S và bà T vẫn còn hộ khẩu tại Số 25/33, đường T, khóm A, Phường M, Thành phố L, tỉnh A. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty A theo quy định pháp luật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn đã không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền mua bán còn thiếu lại +tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bà Hồ Thị Kim T và Công ty A, bà T yêu cầu Công ty A trả số tiền từ hợp đồng mua bán. Tòa án xác định là vụ án kinh doanh thương mại và xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán. Tuy nhiên qua nghiên cứu hồ sơ và lời trình bày của bà T tại phiên tòa xác định bà chỉ là hộ dân nuôi cá rồi thực hiện mua bán cá với công ty A, bà không có đăng ký loại hình kinh doanh nào và bà cũng chưa được cấp giấy phép kinh doanh. Do đó nay Hội đồng xét xử xác định lại đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp là hợp đồng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về thẩm quyền giải quyết: Bà Hồ Thị Kim T có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi có trụ sở của bị đơn công ty A giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Về nơi cư trú của bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A có trụ sở tại thị trấn A, huyện C, tỉnh A. Ngày 07/3/2018 Công an

phường M, thành phố L, tỉnh A xác nhận ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T có đăng ký hộ khẩu tại phường M, thành phố L, tỉnh A nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, khi đi không trình báo cho chính quyền địa phương biết nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của ông S và bà T và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ các đương sự đã cung cấp là số 478 Quốc lộ 91, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh A và cho ông S , bà T tại số nhà 25/33, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A và là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A do bà Nguyễn Thị Huệ T đại diện theo pháp luật và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các hợp đồng mua bán cá tra số 26/HĐNL/TA ngày 26 tháng 08 năm 2016; Hợp đồng mua bán cá tra số 29/HĐNL/TA ngày 14 tháng 09 năm 2016; Hợp đồng mua bán cá tra số 22/KT-HĐKT/2016 ngày 17 /11/2016; Hợp đồng mua bán cá tra số 32/NVM-HĐKT/2016 ngày 21/11/2016, biên bản giao nhận cá tra ngày 8/9/2016 và 26/9/2016 và biên bản đối chiếu bù trừ công nợ ngày 5/12/2016 đã xác định Công ty A và bà T đã thực hiện hợp đồng mua bán cá tra. Công ty A chưa thanh toán xong số tiền mua cá cho bà T. Do đó bà tiến hành mua số cá thành phẩm của công ty A, bà mua 5 đợt cá tra fillet của Công ty A với số tiền 7.571.117.950 đồng. Sau khi trừ cấn công nợ thì công ty A còn thiếu lại bà số tiền 8.894.652.650 đồng. Tại biên bản xác minh đối với công ty A ngày 21/12/2017 được ông Hoàng Hữu T – Phó Giám đốc Công ty A cũng thống nhất số tiền Công ty A hiện còn đang nợ bà Hồ Thị Kim T đúng theo bảng đối chiếu công nợ ngày 5/12/2016

Xét về nội dung tranh chấp trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình là giao cá tra với trọng lượng, chất lượng, qui cách đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng, tuy nhiên phía công ty A không thực hiện thanh toán tiền theo thỏa thuận. Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và thời hạn thanh toán theo hợp đồng. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, bà Thoa yêu cầu Công ty A phải thanh toán số tiền còn nợ là 8.894.652.650 đồng là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận trong hợp đồng, thời hạn thanh toán số tiền mua bán cá là 30 ngày kể từ ngày bắt hết cá, nếu chậm thanh toán phải chịu phạt lãi suất 1%/tháng. Tại đơn khởi kiện bà Hồ Thị Kim T yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức 1%/tháng/tổng số tiền chưa thanh toán. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà Hồ Thị Kim T yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối số tiền chưa thanh toán. Do Công ty A vi phạm nghĩa vụ nên bà T yêu cầu công ty T phải trả lãi suất khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn chính đáng.

Thời gian tính lãi từ ngày 06/12/2016 đến ngày 21/6/2018 là 17 tháng

+ Vốn 8.894.652.650đ x lãi 0,75%/tháng x 17 tháng = 1.134.068.000đồng

+ Vốn 8.894.652.650đ + lãi 1.134.068.000 đồng = 10.028.720.000đồng.

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên buộc Công ty A phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hồ Thị Kim T số tiền 10.028.720.000đ (Mười tỷ không trăm hai mươi tám triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng) là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim T được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005**;** Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Kim T

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hồ Thị Kim T số tiền 10.028.720.000đ (Mười tỷ không trăm hai mươi tám triệu bảy trăm hai mươi chục ngàn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A phải chịu 118.028.720 đ (Một trăm mười tám triệu không trăm hai tám ngàn bảy trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho bà Hồ Thị Kim T số tiền 58.447.000đ (Năm mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000672 ngày 26/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Về kháng cáo: Bà Hồ Thị Kim T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2018). Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ A và ông Nguyễn Thái S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Mỹ Dung

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Giao